

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06/6/2024

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 164/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Luyện Thị Thu T**, sinh năm 1986; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Số A, đoạn A, đường L, quận W, thành phố T, Đà Loan (Trung Quốc).

Người được nguyên đơn uỷ quyền giao nhận văn bản : Anh Đỗ Minh T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh **Lại Văn C**, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy uỷ quyền, nguyên đơn chị Luyện Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào tháng 02/2006 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì chị T sang Đài Loan làm việc để phát triển kinh tế gia đình. Từ đây mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không còn hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung. Thêm vào đó vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, mỗi người ở một nơi, không có sự chia sẻ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm dần phai nhạt. Mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng động viên hoà giải nhưng không đi đến kết quả, vợ chồng đã không liên lạc nhiều năm. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lại Văn S sinh ngày 08/02/2007 và Lại Hưng T2 sinh ngày 02/02/2016, hiện đang ở với anh C. Khi ly hôn chị T đề nghị giao anh C trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành, chị T tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu 1.800.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi hai con đủ tuổi thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị T đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, uỷ quyền cho anh Đỗ Minh T1 thay chị giao nhận văn bản với Toà án.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Đỗ Minh T1 trình bày: Anh đồng ý nhận uỷ quyền của chị T để giao nhận văn bản với Toà án; cam kết thực hiện đúng nội dung của giấy uỷ quyền, nhận các văn bản của Toà án và thông báo, gửi ngay cho chị T.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Lại Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T kết hôn năm 2006, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm, chị T đi Nga lao động khoảng 05 năm thì về Việt Nam. Khi chị T về Việt Nam, vợ chồng vẫn chung sống bình thường. Khoảng năm 2017 chị T đi Đài Loan lao động từ đó đến nay không về. Thời gian ở Đài Loan, chỉ thỉnh thoảng vợ chồng mới liên lạc với nhau, chủ yếu hỏi thăm tình hình của các con. Anh C xác định bản thân không có mâu thuẫn gì với chị T mà tự chị T muốn ly hôn rồi cắt đứt liên lạc với anh C. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn, quan điểm của anh C là không bỏ chị T mà vẫn muốn vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nhưng nếu chị T kiên quyết thì tùy ở chị T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lại Văn S sinh ngày 08/02/2007 và Lại Hưng T2 sinh ngày 02/02/2016, hiện đang ở với anh C. Trường hợp nếu ly hôn thì anh C đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành, việc chi T cấp dưỡng là tùy theo sự tự nguyện của chị T vì con là con chung, anh C không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết thì anh C không có ý kiến gì, nếu sau này có tranh chấp thì anh C sẽ yêu cầu bằng vụ án khác.

- Anh C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Luyện Thị Thu T ly hôn anh Lại Văn C; giao con chung Lại Văn S sinh ngày 08/02/2007 và Lại Hưng T2 sinh ngày 02/02/2016 cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc chị T cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.800.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên; chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị T đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh C. Chị T, anh C đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị T hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Các văn bản do chị T ở nước ngoài lập và ký tên, đã được cơ quan có thẩm quyền chứng thực theo quy định nên HĐXX công nhận các tài liệu này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì chị T đi nước ngoài. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Anh C cho rằng anh không có mâu thuẫn với chị T nhưng vợ chồng chỉ thỉnh thoảng mới liên lạc và chủ yếu là hỏi thăm các con, bản thân chị T tự muốn ly hôn rồi cắt đứt liên lạc với anh C. Xét thấy chị T và anh C đã ly thân nhiều năm, đến nay đã cắt đứt liên lạc, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn thì anh C không đồng ý nhưng nếu chị T vẫn kiên quyết thì anh C cũng tuân theo ý chị T. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị T ly hôn anh C.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Lại Văn S sinh ngày 08/02/2007 và Lại Hưng T2 sinh ngày 02/02/2016, hiện đang ở với anh C. Chị T và anh C đều đề nghị giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, các con cũng có nguyện vọng ở với bố. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, căn cứ quan điểm của các bên, nguyện vọng của con chung và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, cần giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc chị T cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.800.000 đồng/tháng đến khi các con thành niên là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết và anh C không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị T là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Luyện Thị Thu T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Luyện Thị Thu T ly hôn anh Lại Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Lại Văn S sinh ngày 08/02/2007 và Lại Hưng T2 sinh ngày 02/02/2016 cho anh Lại Văn C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Luyện Thị Thu T về việc chị T cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.800.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Chị Luyện Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Luyện Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng anh Đỗ Minh T1 đã nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 03/4/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000571; chị T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lại Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Luyện Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã N, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng